

Số: 1494 /TB-BV

An Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá cho gói thầu cải tạo, sửa chữa

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị thi công xây dựng tại Việt Nam

Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu dịch vụ: Cải tạo, sửa chữa căn tin làm Khu dịch vụ kỹ thuật ngoại trú thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - Địa chỉ: 64 Đồng Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ người tiếp nhận báo giá: Ông Nguyễn Anh Tú – Phó trưởng phòng phụ trách Hành chính - Quản trị, số điện thoại: 0933655835.

3. Cách tiếp nhận báo giá như sau:

Nhận tại địa chỉ: Phòng Hành chính - Quản trị, Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - Địa chỉ: 64 Đồng Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Chậm nhất đến 09 giờ 00' ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

6. Báo giá phải được niêm phong và Bìa thư ghi rõ “Báo giá gói thầu: Cải tạo, sửa chữa căn tin làm Khu dịch vụ kỹ thuật ngoại trú”.

II. Thông tin gói thầu cải tạo, sửa chữa:

Tên gói thầu: Cải tạo, sửa chữa căn tin làm Khu dịch vụ kỹ thuật ngoại trú thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang.

III. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Phần công việc yêu cầu báo giá cải tạo, sửa chữa:

STT	MSCV	Tên công việc	ĐV Tính	Khối lượng
1	AB.11501	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, chiều rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ - Cấp đất I	1m3	9,3600
		$1,2 \times 1,0 \times 1,0 \times 6 \times 1,3 = 9,36$		

2	AF.11111	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M150, đá 4x6, PCB40	m3	0,7200
		$1,0 \times 1,2 \times 0,1 \times 6 = 0,72$		
3	AE.63113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19cm - Chiều dày $\leq 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	m3	6,4680
		$6,0 \times 3,3 \times 0,08 \times 2 = 3,168$		
		$12,5 \times 3,3 \times 0,08 = 3,3$		
4	AK.21123	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	161,7000
		$6,0 \times 3,3 \times 2 \times 2 = 79,2$		
		$12,5 \times 3,3 \times 2 = 82,5$		
5	AB.13411	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	8,1600
		$9,36 - 1,2 = 8,16$		
6	AF.11223	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $> 250\text{cm}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,2000
		$0,8 \times 1,0 \times 0,25 \times 6 = 1,2$		
7	AF.12213	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,1680
		Cổ cột: $0,2 \times 0,2 \times 0,7 \times 6 = 0,168$		
8	AF.12313	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	2,1900
		ĐK2: $0,2 \times 0,3 \times 12,5 = 0,75$		
		ĐK1: $0,2 \times 0,3 \times 6 \times 4 = 1,44$		
9	AF.61110	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK $\leq 10\text{mm}$	tấn	0,0432
		$69,6 \times 0,62 / 1000 = 0,0432$		
10	AF.61521	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1767
		$146 \times 1,21 / 1000 = 0,1767$		
11	AF.81122	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,0432
		$(0,8 + 1,0) \times 2 \times 0,2 \times 6 / 100 = 0,0432$		
12	AF.81132	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m2	0,0480
		Cổ cột: $0,8 \times 1,0 \times 6 / 100 = 0,048$		
13	AF.81141	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1480
		Đà kiềng: $0,8 \times 6 / 100 = 0,048$		
		Đà kiềng: $0,8 \times 12,5 / 100 = 0,1$		
14	AB.66142	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0,1525
		$6,1 \times 12,5 \times 0,2 / 100 = 0,1525$		
15	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	31,0000
		Cột hàng rào: $2,0 \times 3 = 6$		
		$12,5 \times 2,0 = 25$		

16	AE.63113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19cm - Chiều dày $\leq 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	m3	0,0624
		Bố nền: $1,8 \times 0,2 \times 0,08 = 0,0288$		
		$2,1 \times 0,2 \times 0,08 = 0,0336$		
17	SB.81411	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường	m2	298,7000
		Trục 1: $12,5 \times 3,6 \times 2 = 90$		
		Trục 2: $12,5 \times 4,7 \times 2 = 117,5$		
		Trục A: $6,0 \times 3,8 \times 2 \times 2 = 91,2$		
18	SB.82514	Sơn dặm, trần cột, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	149,0000
		tường ngoài: $149 = 149$		
19	SB.82512	Sơn dặm, trần cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	149,0000
		$149 = 149$		
20	SA.21711	Tháo dỡ tấm lợp - Tôn	100m2	1,6893
		$6,1 \times 2,8 / 100 = 0,1708$		
		$4,2 \times 2,8 \times 2 / 100 = 0,2352$		
		$2,0 \times 12,5 / 100 = 0,25$		
		$0,8 \times 18,6 / 100 = 0,1488$		
		$6,1 \times 2,0 / 100 = 0,122$		
		$6,1 \times 12,5 / 100 = 0,7625$		
21	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi, chiều dài bất kỳ	100m2	0,9685
		$6,5 \times 12,5 / 100 = 0,8125$		
		$6,5 \times 2,4 / 100 = 0,156$		
22	AK.51220	Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,04\text{m}^2$, vữa XM M75, PCB40	m2	73,1600
		$12,4 \times 5,9 = 73,16$		
23	AI.11121	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 9\text{m}$ - Thép hộp kẽm (40x40)mm, dày 2 ly	tấn	0,4889
		- Khung giằng kèo GK: $(0,04 + 0,036) \times 2 \times 0,002 \times 6,2 \times 8 \times 7,85 = 0,1184$		
		$(0,04 + 0,036) \times 2 \times 0,002 \times 0,765 \times 8 \times 7,85 = 0,0146$		
		$(0,04 + 0,036) \times 2 \times 0,002 \times 0,320 \times 28 \times 7,85 = 0,0214$		
		$(0,04 + 0,036) \times 2 \times 0,002 \times 0,400 \times 32 \times 7,85 = 0,0305$		
		$76 \times 4 / 1000 = 0,304$		
24	AI.11221	Gia công xà gồ thép	tấn	0,2225
		- Xà gồ mái: $(0,03 + 0,06) \times 2 \times 0,0014 \times 12,5 \times 9 \times 7,85 = 0,2225$		
25	AI.11131	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,2035
		$(0,075 + 0,075) \times 2 \times 0,0024 \times 4,0 \times 6 \times 7,85 = 0,1356$		
		$(0,075 + 0,075) \times 2 \times 0,0024 \times 2,4 \times 5 \times 7,85 = 0,0678$		

26	AK.62210	Thi công vách thu hồi tấm Sumboar $1,0 \times 18 = 18$	m2	18,0000
27	AI.63231	Lắp dựng vách nhôm ngăn phòng $23,3 \times 2,7 = 62,91$	m2	55,7100
		Trừ cửa: $- 4,8 - (1,2 \times 2,0) = -7,2$		
28	AI.63121	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm $1,0 \times 2,0 \times 2 = 4$	m2	6,4000
		$1,2 \times 2,0 \times 1 = 2,4$		
29	AF.11111	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M150, đá 4x6, PCB40 $12,4 \times 5,9 \times 0,1 = 7,316$	m3	7,3160
30	AK.64320	Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương $12,4 \times 5,9 = 73,16$	m2	73,1600
		CÔNG TÁC LẮP ĐẶT:		
31	BA.13310	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 1 bóng $12 = 12$	bộ	12,0000
32	BA.11120	Lắp đặt quạt treo tường $6 = 6$	cái	6,0000
33	BA.11110	Lắp đặt quạt trần $4 = 4$	cái	4,0000
34	BA.12110	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục 2 HP (Casper hoặc tương đương) - Loại máy treo tường $4 = 4$	máy	4,0000
35	AI.11541	Gia công cửa sắt kéo $1,4 \times 2 = 2,8$	m2	2,8000
36	BA.17202	Lắp đặt ổ cắm đôi $24 = 24$	cái	24,0000
37	BA.16103	Lắp đặt dây đơn 2,5mm ² (Cadivi hoặc tương đương) $120 = 120$	m	120,0000
38	BA.14301	Lắp đặt ống nhựa bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 15\text{mm}$ $140 = 140$	m	140,0000
39	BA.16105	Lắp đặt dây đơn 10mm ² (Cadivi hoặc tương đương) $30 = 30$	m	30,0000
40	BA.16104	Lắp đặt dây đơn 6mm ² (Cadivi hoặc tương đương) $48 = 48$	m	48,0000
41	BA.16102	Lắp đặt dây đơn 1,5mm ² (Cadivi hoặc tương đương) $200 = 200$	m	200,0000

- **Ghi chú:** Đơn vị báo giá đầy đủ khối lượng nêu trên và chào rõ chủng loại vật tư, vật liệu.

2. Nội dung Hồ sơ tham dự báo giá:

Quý công ty, đơn vị tham gia báo giá cần đính kèm các tài liệu sau:

- Hồ sơ năng lực của quý công ty, đơn vị.
- Biểu phí thi công xây dựng dự kiến sẽ thực hiện.
- Hiệu lực báo giá (Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025).
- Thời gian thực hiện và hình thức thanh toán.
- Thông báo giá bằng tiền đồng Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - địa chỉ: 64 Đồng Đa, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng Thông tin điện tử Bệnh viện;
- Lưu VT, hcqt (03b).



BS. CKII. Hồng Văn Thao



